TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 126/2021/DS-PT
Ngày 11-5-2021
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Các Thẩm phán: Ông Lê Minh Đạt

Bà Hồ Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tấn Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2021/TLPT-DS ngày 23/3/2021 về "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2021/DS-ST ngày 04/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện G bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 78/2021/QĐ-PT ngày 08/4/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Phạm Minh T, sinh năm 1975

Địa chỉ: Ấp 5, xã M, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1976 (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố 5, thị trấn M, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim D, sinh năm 1963 (có mặt)

Địa chỉ: Số nhà 246, Ấp 7 (ấp Cái Tắc) xã M, huyện G, tỉnh Bến Tre.

3. Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Phạm Minh T trình bày:

Từ năm 2018 đến cuối năm 2020, anh có hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi heo với bà Nguyễn Thị Kim D, theo hình thức anh cung cấp thức ăn cho bà D, sau khi bà D bán heo thì thanh toán cho anh tổng số tiền thức ăn mà anh đã cung cấp. Việc mua bán cụ thể như sau:

- Ngày 17/02/2020 các bên có tổng kết nợ và trừ chiếc khấu thì bà D còn nợ 80.521.000 đồng.

- Từ ngày 23/02/2020 đến ngày 28/9/2020 bà D nợ tiếp 270.381.000 đồng (gồm cám 811 - cám heo con là 71 bao, cám 828 - cám heo thịt là 638 bao, cám E - cám heo nái là 222 bao, cám 866 - cám heo nái nuôi con là 14 bao) và có trả cho anh được 100.000.000 đồng. Số nợ còn lại là 250.902.000 đồng.

Đối với số tiền 250.902.000 đồng này là chưa khấu trừ đầu bao (20.000đồng/bao đối với cám 828 và 10.000đồng/bao đối với các loại cám còn lại) với lý do là bà D chưa trả nợ nên chưa được khấu trừ.

Do bà D đã bán heo nhưng không thanh toán tiền thức ăn và còn nợ số tiền 250.902.000 đồng (bà D có ký giấy xác nhận công nợ ngày 01/10/2020) nên anh yêu cầu bà D trả số tiền còn nợ. Tuy nhiên, do ngày 14/5/2020 anh có tính nhầm số tiền 3.600.000 đồng nên anh đồng ý trừ số tiền này vào số nợ nói trên, số tiền anh yêu cầu bà D trả lại là 247.302.000 đồng và anh đồng ý khấu trừ tiền đầu bao là 15.830.000 đồng cho bà D. Anh chỉ yêu cầu bà D trả lại anh số tiền 231.472.000 đồng. Anh không yêu cầu trả lãi.

Đối với 02 chương trình khuyến mãi: Theo nội dung chương trình của Công ty thì người chăn nuôi nào sử dụng trên 1.000 bao thức ăn trong 03 tháng (Đợt 1 từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/3/2020 và Đợt 2 từ ngày 01/4/2020 đến ngày 30/6/2020) thì được tặng 01 chỉ vàng 24kra. Do bà D không tiêu thụ đủ số lượng nên không được thưởng theo chương trình khuyến mãi của công ty.

Đối với việc bà D yêu cầu khấu trừ 20.000đồng/bao cám 828 do tăng giá. Thời gian khấu trừ tính từ ngày 8/7/2018 đến ngày 01/10/2020 với tổng số 1.970 bao thức ăn 828 với số tiền 39.400.000 đồng là không có căn cứ. Anh không có thỏa thuận về việc khấu trừ này.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim D và người đại diện theo ủy quyền của bà D là anh Nguyễn Hoàng Luân trình bày:

Từ năm 2017 đến ngày 01/10/2020, bà D có mua bán thức ăn chăn nuôi với anh T, hình thức mua bán như anh T trình bày. Việc mua bán và số lượng thức ăn khi giao nhận thì bà D có ký xác nhận vào sổ của bên bán và có lập sổ theo dõi riêng.

Ngày 01/10/2020, anh T có đưa giấy công nợ cho bà D ký với nội dung bà D còn nợ lại 250.902.000 đồng. Mặc dù có ký nhưng bà D không đồng ý vì anh T chưa khấu trừ chiết khấu đầu bao cho bà là 20.000đồng/bao đối với cám 828, 10.000đồng/bao đối với các loại cám còn lại. Bà D yêu cầu khấu trừ các khoản như sau:

Khấu trừ đầu bao từ ngày 23/02/2020 đến ngày 01/10/2020 là 15.830.000 đồng (gồm cám 811 là 71 bao, cám 828 là 638 bao, cám E là 222 bao, cám 866 là 14 bao như nguyên đơn trình bày).

Từ ngày 8/7/2018 đến ngày 01/10/2020 hộ chăn nuôi của bà tiêu thụ tổng số cám 828 là 1.970 bao. Do ngày 8/7/2018 anh T tự ý tăng giá cám 828 lên 20.000đồng/bao và có hứa khi nào thanh toán sẽ trừ lại. Việc thỏa thuận này chỉ bằng lời nói, không có lập văn bản. Do vậy, bà đề nghị nguyên đơn khấu trừ tiếp 39.400.000 đồng vào số nợ nêu trên.

Trước đây anh T có nói là nếu bà mua được 1.000 bao thức ăn thì được thưởng 01 chỉ vàng 24 kra. Do bà D đã mua 2.762 bao nên đề nghị anh T trả cho bà 2,7 chỉ vàng 24kra đã hứa thưởng nhưng quy ra tiền là 15.000.000 đồng và khấu trừ vào số tiền nợ nêu trên.

Ngoài ra, ngày 14/5/2020 bà D có nhận của anh T 18 bao thức ăn với số tiền là 5.074.000 đồng nhưng anh T ghi nhầm là 8.674.000đồng. Bà D đề nghị anh T trừ số tiền 3.600.000 đồng chênh lệch này vào số tiền nợ gốc. Tại phiên hòa giải ngày 06/01/2021 phía anh T đã đồng ý điều chỉnh số nợ lại là 247.302.000 đồng.

Do vậy, bà D chỉ đồng ý trả tiếp cho anh T số tiền sau khi khấu trừ là 169.712.000 đồng.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện G đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2021/DS-ST ngày 04/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện G đã áp dụng các Điều 357, 440, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 147, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Minh T. Buộc bà Nguyễn Thị Kim D phải trả cho anh Phạm Minh T số tiền thức ăn chăn nuôi còn nợ là 231.472.000đ (Hai trăm ba mươi mốt triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn đồng). Ghi nhận việc anh T không yêu cầu trả lãi.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 19/02/2021, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim D kháng cáo bản án sơ thẩm, nội dung kháng cáo bà D cho rằng: (1) Anh T hứa thưởng 01 chỉ vàng 24Kra khi tiêu thụ được 1.000 bao thức ăn các loại trong suốt quá trình mua bán, bà đã tiêu thụ được 2.762 bao, anh T không thưởng cho bà mà cho rằng chương trình thực hiện trong vòng 03 tháng nhưng anh T không cung cấp được chứng cứ chứng minh; (2) Anh T tự ý tăng giá 20.000đồng/bao đối với cám 828 mà không thông báo trước cho bà, trong khi đó các đại lý khác vẫn bán với giá bình thường, khi bà phát hiện thì anh T hứa sẽ khấu trừ lại phần tiền chênh lệch này nhưng không thực hiện. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, buộc anh T khấu trừ các khoản nêu trên với số tiền 54.400.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà D giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý với nội dung kháng cáo, anh P cho rằng chương trình khuyến mãi nhằm khuyến khích việc tiêu thụ thức ăn nên chỉ diễn ra theo đợt, mỗi đợt 03 tháng nếu tiêu thụ được 1000 bao thức ăn thì mới được thưởng. Đối với số tiền bà D yêu cầu khấu trừ 20.000đồng/bao thức ăn loại 828 thì anh T không có thỏa thuận như bà D trình bày. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đối với kháng cáo thỏa thuận khấu trừ 20.000đồng/bao cám loại 828, qua đối xem xét sổ mua bán của anh T, bà D thì có thể hiện nội dung chuyến sau tăng giá nhưng không có ghi nhận việc khấu trừ thêm 20.000đồng/bao như bà D trình bày, nguyên đơn cũng không thừa nhận có thỏa thuận nêu trên. Đối với kháng cáo về việc hứa thưởng, anh T cho rằng việc thưởng 01 chỉ vàng 24K chỉ thực hiện theo từng đợt, bà D không tiêu thụ đủ số lượng nên không được thưởng, ngoài ra bà D không cung cấp được chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của bà. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà D, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 13/2021/DS-ST ngày 04/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện G.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim D; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn và bị đơn trình bày thống nhất về số tiền mua bán thức ăn mà bị đơn bà D còn thiếu nguyên đơn anh T khi chốt nợ ngày 01/10/2020 là 247.302.000 đồng (đã trừ 3.600.000 đồng do ghi nhầm). Ngoài ra, các bên cũng thống nhất về số tiền khấu trừ đầu bao từ ngày 23/02/2020 đến ngày 01/10/2020 là 15.830.000 đồng nên đây là các tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 90 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn kháng cáo cho rằng trong quá trình mua bán thức ăn anh T có hứa nếu bà tiêu thụ được 1.000 bao thức ăn thì được thưởng 01 chỉ vàng 24Kra, bà đã tiêu thụ được 2.762 bao nên bà yêu cầu anh T phải thưởng 2,7 chỉ vàng tương đương 15.000.000 đồng. Tuy nhiên, lời trình bày của bà không được nguyên đơn thừa nhận, ngoài ra bà không có chứng cứ nào khác để chứng minh. Trong khi đó, nguyên đơn cho rằng chương trình hứa thưởng nhằm khuyến khích việc tiêu thụ thức ăn nên chỉ thực hiện theo từng giai đoạn, giai đoạn 1 từ ngày 01/01/2020 - 31/3/2020, giai đoạn thứ hai từ ngày 01/4/2020 - 01/7/2020, do bà D không đạt số lượng 1.000 bao trong các giai đoạn trên nên không được thưởng. Tại phiên tòa sơ

thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà D cũng thừa nhận bị đơn không đạt số lượng 1.000 bao trong các giai đoạn trên nên kháng cáo của bà D là không có căn cứ.

[3] Bà D kháng cáo yêu cầu anh T phải khấu trừ số tiền 39.400.000 đồng (20.000 đồng x 1.970 bao) do khi anh T tự ý tăng giá thì bà có ý kiến về việc tăng giá và anh T có hứa sẽ khấu trừ số tiền này khi bà thanh toán tiền. Tuy nhiên, lời trình bày của bà D cũng không được anh T thừa nhận, không được ghi nhận vào sổ sách theo dõi của các bên. Ngoài ra, bà D không cung cấp được chứng cứ nào khác để chứng minh.

Từ những nhận định trên, Tòa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp, kháng cáo của bị đơn không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[4] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị Kim D phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim D;

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 13/2021/DS-ST ngày 04/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng các Điều 357, 440, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 147, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Minh T.

Buộc bà Nguyễn Thị Kim D phải trả cho anh Phạm Minh T số tiền thức ăn chăn nuôi còn nợ là 231.472.000 (Hai trăm ba mươi mốt triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn) đồng. Ghi nhận việc anh T không yêu cầu trả lãi.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[2] Về án phí:

[2.1] Án phí sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Kim D phải chịu 11.573.000 (Mười một triệu năm trăm bảy mươi ba nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho anh Phạm Minh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.272.000 (Sáu triệu hai trăm bảy mươi hai nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004004 ngày 04/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bến Tre.

[2.2] Án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim D phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0006897 ngày 02 tháng 3 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Ngọc Dũng